

*Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2020***BÁO CÁO****Tổng kết đánh giá về tình hình thực hiện chính sách
thuế giá trị gia tăng đối với phân bón**

Trong những năm qua, thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020 và để góp phần tháo gỡ khó khăn cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường, hệ thống chính sách thuế đã từng bước được hoàn thiện vừa nhằm đảm bảo động viên hợp lý vào ngân sách nhà nước (NSNN), vừa cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp. Bên cạnh những yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội, dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, tốc độ phục hồi kinh tế chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro, rào cản thương mại có xu hướng gia tăng và tiềm ẩn nguy cơ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Giá dầu tiếp tục biến động, khó dự báo. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN, Hiệp định CPTPP cùng nhiều hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, mở ra nhiều cơ hội thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức.

Dịch bệnh Covid-19 xảy ra trên phạm vi toàn cầu đã và đang tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế xã hội thế giới và trong nước. Thực tế trong nước thời gian qua, nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất gặp khó khăn; hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp bị đình trệ, nhiều doanh nghiệp đã phải thu hẹp hoặc tạm ngừng hoạt động, tác động không nhỏ đến nền kinh tế và việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của năm 2020.

Chính phủ đã tiến hành tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện các quy định về chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT) nói chung, trong đó có chính sách thuế GTGT đối với phân bón, thấy rằng bên cạnh những kết quả đạt được đã phát sinh một số bất cập, chưa theo kịp thực tế phải khắc phục để tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Cụ thể như sau:

Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 đã được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 3/6/2008 thay thế cho Luật thuế GTGT sửa đổi năm 2003 và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009. Qua hơn 10 năm thực hiện, Luật Thuế GTGT đã đi vào cuộc sống và cơ bản đạt được mục tiêu đề ra như công khai, minh bạch, đơn giản, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tiễn; tiếp tục tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh thuận lợi, đảm bảo công bằng, bình đẳng trong cạnh tranh; góp phần đảm bảo nguồn

thu cho NSNN và bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Tuy nhiên, do sự biến động nhanh của nền kinh tế nên một số quy định trong Luật Thuế GTGT đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, không theo kịp sự vận động của thực tiễn. Cụ thể: chưa khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh đối với mặt hàng nông sản, thủy sản; chưa ngăn chặn tình trạng gian lận trong hoàn thuế GTGT; chưa bao quát toàn diện các nghiệp vụ kinh tế mới phát sinh... vì vậy, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT số 31/2013/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế số 106/2016/QH13. Theo đó Chính phủ cũng ban hành các Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, số 91/2014/NĐ-CP, số 12/2015/NĐ-CP và số 100/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật. Qua 5 năm thực hiện các quy định về thuế GTGT tại các Luật sửa đổi, bổ sung và Nghị định của Chính phủ cho thấy các nội dung sửa đổi, bổ sung đã góp phần quan trọng trong cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguồn thu NSNN, tuy nhiên vẫn còn một số điểm cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Cụ thể:

I. Những kết quả đạt được

1. Chính sách thuế GTGT đã góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành nông nghiệp

Luật thuế GTGT đã sửa đổi, giảm bớt các nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế (chuyển 3 nhóm từ không chịu thuế sang chịu thuế GTGT) đã tạo điều kiện cho việc tính thuế, khấu trừ thuế được liên hoàn giữa các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh; sắp xếp, điều chỉnh lại hợp lý các nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất 5% và 10% (chuyển một số nhóm hàng hóa từ thuế suất 5% sang áp dụng thuế suất 10%) đã góp phần nâng cao sự minh bạch về chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý của cả cơ quan thuế và người nộp thuế, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ Việt Nam trên thị trường quốc tế, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh và xuất khẩu; áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với vận tải quốc tế đã tạo điều kiện để khuyến khích phát triển hoạt động vận tải quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Bổ sung điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào (thời gian kê khai tối đa nâng từ 03 tháng lên 06 tháng và hiện nay đã bỏ quy định về thời gian kê khai); yêu cầu thanh toán qua ngân hàng đối với giá trị mua vào từng lần từ hai mươi triệu đồng trở lên; quy định tài sản cố định sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ thuế đầu vào để khuyến khích đầu tư, đã tạo thuận lợi hơn cho công tác hạch toán kế toán và bảo đảm quyền lợi của doanh nghiệp làm ăn chân chính, ngăn chặn các hành vi mua bán, sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, gian lận trong khấu trừ, hoàn thuế GTGT, chống thất thu ngân sách, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh.

Theo quy định tại Luật thuế GTGT hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành, hàng hóa, dịch vụ trong ngành nông nghiệp chủ yếu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu; sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng; tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp; sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển) hoặc thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 5% (nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng; dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp; mũ sao su sơ chế; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá; đường; phụ phẩm trong sản xuất đường; sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế).

2. Chính sách thuế GTGT ngày càng công khai, minh bạch, đơn giản, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tiễn, góp phần đảm bảo quyền lợi và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người nộp thuế

- Thứ nhất, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, minh bạch các hoạt động kinh tế, chống gian lận; thúc đẩy hạch toán kế toán, sử dụng hoá đơn, chứng từ, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; khuyến khích phát triển các giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt giữa các doanh nghiệp

Trước năm 2009 việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào khâu nội địa chỉ căn cứ vào hóa đơn GTGT của người bán, không có quy định về việc phải thanh toán qua ngân hàng khâu kinh doanh trong nước nên đã phát sinh tình trạng nhiều doanh nghiệp lập hóa đơn không (hóa đơn không kèm theo hàng hóa, dịch vụ và không kèm theo việc thanh toán tiền) để lợi dụng trốn thuế (không kê khai nộp thuế đối với giao dịch tiền mặt) chiếm đoạt tiền thuế.

Từ ngày 01/01/2009, để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì Luật thuế GTGT đã quy định một trong những điều kiện quan trọng là doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị trên hai mươi triệu đồng. Quy định trên đã thúc đẩy phát triển giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt giữa các doanh nghiệp – đây là chủ trương lớn của Chính phủ và góp phần ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT, góp phần chống rửa tiền.

Bên cạnh đó, thông qua việc quy định rõ các điều kiện khấu trừ và hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa trong nước và hàng hóa xuất khẩu, Luật thuế GTGT tạo điều kiện cho cơ quan thuế và cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra việc kê khai tính thuế, nộp thuế, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đòi hỏi doanh nghiệp thực hiện tốt hơn việc mua bán hàng hóa, dịch vụ phải có hóa đơn, chứng từ và khuyến khích việc thanh toán không dùng tiền mặt. Từ đó, làm cho hoạt động kinh tế minh bạch, lành mạnh.

Đặc biệt, từ ngày 01/07/2016, Luật số 106/2016/QH13 quy định không hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan giúp ngăn chặn tình trạng buôn lậu, chống gian lận và gây thất thu cho ngân sách nhà nước (NSNN). Quy định không hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký đã bảo đảm minh bạch về vốn, lành mạnh hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm lợi ích của các bên liên quan và bảo đảm đồng bộ với Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư, qua đó góp phần quản lý chặt chẽ, lành mạnh hóa các hoạt động kinh tế cũng như góp phần đơn giản, minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đẩy mạnh cải cách hành chính và hiện đại hoá công tác quản lý thuế, phù hợp với xu thế cải cách hệ thống thuế.

- *Thứ hai*, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với xuất khẩu, các dự án đầu tư đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển công nghệ, đầu tư đổi mới TSCĐ, khuyến khích xuất khẩu, góp phần thúc đẩy vốn đầu tư xã hội tăng trưởng

Việc hoàn thuế GTGT đầu vào đối với các dự án đầu tư đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển công nghệ, đầu tư đổi mới TSCĐ, góp phần thúc đẩy vốn đầu tư xã hội tăng trưởng. Thông qua áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu đã tạo điều kiện để doanh nghiệp hạ giá hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, từ đó khuyến khích xuất khẩu tăng trưởng mạnh qua các năm, cụ thể là:

Kim ngạch xuất khẩu tăng dần qua các năm: 132,2 tỷ USD (2013); 150,1 tỷ USD (2014); 162,11 tỷ USD (2015); 175,9 tỷ USD (2016) và đạt 214,01 tỷ USD trong năm 2017.

3. Bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế

Luật thuế GTGT quy định mức ngưỡng doanh thu 1 tỷ đồng để áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ phù hợp với thông lệ quốc tế và chiến lược cải cách hệ thống đến năm 2020.

II. Những tồn tại, hạn chế

Qua 5 năm thực hiện các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Luật Thuế GTGT và văn bản hướng dẫn, về cơ bản phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của đất nước nên đã phát huy được những tác động tích cực nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của nền kinh tế, ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh, cũng như mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng, Quốc hội đã đề ra về việc xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp ngành nông nghiệp, đặc biệt là ngành phân bón, chính sách thuế GTGT đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế sau:

Ngày 26/11/2014, Quốc hội đã thông qua Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các luật về thuế (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015). Trong đó, để góp phần hỗ trợ cho nông dân và giảm giá bán phân bón, mặt hàng phân bón được điều chỉnh từ diện thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5% sang đối tượng không chịu thuế GTGT (phân bón nhập

khẩu và phân bón sản xuất trong nước đều thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT). Quy định nêu trên đã hỗ trợ giá đầu vào cho nông dân nhưng doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước gặp khó khăn do không được khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào (kể cả thuế GTGT của hàng hóa mua vào hoặc nhập khẩu để tạo tài sản cố định). Toàn bộ số thuế GTGT này được các doanh nghiệp tính vào chi phí sản xuất, làm tăng giá thành phân bón và lợi nhuận của doanh nghiệp giảm; gây bất lợi trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu cùng loại. Trong khi đó, phân bón nhập khẩu lại có lợi hơn do không phải nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu. Theo đó, một số ý kiến cho rằng quy định trên đã gây nhiều ảnh hưởng đến doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy mặt hàng phân bón là mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp nên chính sách thuế GTGT (hoặc thuế hàng hóa dịch vụ, thuế bán hàng) của nhiều nước được thiết kế theo hướng ưu đãi hơn so với các mặt hàng thông thường khác. Chính phủ nhiều nước đã thông qua các chính sách và chương trình hỗ trợ trên các phương diện khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển ngành phân bón, trong đó chính sách hỗ trợ về thuế cũng là công cụ thường được các nước sử dụng. Tuy nhiên, cách thức thiết kế của các nước cũng rất khác nhau. Một số nước không thu thuế GTGT/thuế bán hàng đối với mặt hàng phân bón như Thái Lan, Lào, Myanmar, Philippines, Pakistan, Mỹ... Một số nước có thu thuế GTGT/thuế bán hàng đối với mặt hàng phân bón nhưng với mức thuế suất thấp hơn thuế suất phổ thông, ví dụ như Trung Quốc, Romania, Croatia, Ấn Độ...

Vì vậy, để góp phần tháo gỡ khó khăn kịp thời và tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng cho các nhà sản xuất phân bón thì cần thiết phải có giải pháp trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về thuế suất thuế GTGT đối với phân bón và sớm đưa chính sách này vào thực tiễn là cần thiết.

III. Một số nội dung kiến nghị

Để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp ngành phân bón và tránh vướng mắc trong thực hiện, Chính phủ đề xuất chuyển phân bón từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

Trên đây là nội dung cơ bản về đánh giá tổng kết những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện các quy định về chính sách thuế GTGT nói chung, trong đó có chính sách thuế GTGT đối với phân bón nói riêng trong thời gian qua; đồng thời đề xuất giải pháp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp sản xuất phân bón trong thời gian tới./.

BỘ TÀI CHÍNH

